

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07** /2018 /DS-ST

Ngày 06 tháng 2 năm 2018

V/V: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải H- ồng

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Môn

2, Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 2 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2017/TLST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Đỗ Hải L, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố 7B, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Quý - Luật sư, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn FANCI thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ Bị đơn: Chị Dương Thị P, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Lô số Z, ngách 2, ngõ X, đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, chị Đỗ Hải L cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm nên chị Dương Thị P có vay của chị số tiền nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng chẵn), có viết giấy vay tiền đề ngày

18/3/2014. Khi vay hai bên không ghi cụ thể về lãi suất nhưng có ghi “số tiền bằng số là: (200.000.000đ x 1.500đ) nhưng thực tế có thỏa thuận lãi suất miệng với nhau là hàng tháng chị P phải trả tiền lãi cho chị, nếu chị P làm ăn được thì trả nhiều theo thỏa thuận. Kể từ khi vay đến nay chị P đã trả cho chị được 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) tiền lãi của một tháng sau khi vay, còn chưa trả được đồng tiền gốc nào. Chị có đến đòi chị P nhiều lần nhưng chị P không trả. Nay chị khởi kiện, yêu cầu chị P trả số tiền nợ gốc 200.000.000đồng và tiền lãi suất vay phát sinh kể từ khi vay ngày 18/3/2014 đến khi xét xử vụ án theo quy định tại thời điểm vay. Số tiền lãi chị P đã trả chị đồng ý sẽ trừ vào tổng số tiền lãi mà chị P phải trả cho chị. Quá trình giải quyết vụ án chị L rút yêu cầu đòi lãi với chị P

Số tiền cho chị P vay là tiền riêng của cá nhân chị, không liên quan gì đến chồng chị là anh Đỗ Quang T. Chị đề nghị Tòa án không đưa chồng chị vào tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo bị đơn chị Dương Thị P trình bày:

Chị với chị Đỗ Hải L là hàng xóm. Ngày 18/3/2014 chị có vay của chị Đỗ Hải L số tiền gốc 200.000.000đ thỏa thuận lãi suất là 1.500đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho nhau vay tiền giữa chị và chị L không thỏa thuận về thời hạn trả tiền gốc và lãi. Số tiền chị vay của chị L chị tự sử dụng cá nhân không liên quan gì đến chồng chị và chồng chị L.

Kể từ khi vay tiền chị L đến nay chị đã trả được cho chị L 2.000.000đ tiền gốc vào ngày 28/12/2016 âm lịch. Khi trả tiền gốc thì chị L có viết giấy biên nhận tiền và đưa lại cho chị nhưng do quá trình di chuyển chỗ ở chị không còn giữ được giấy biên nhận số tiền 2.000.000đ để nộp cho Tòa án.

Đối với số tiền lãi chị L xác định mới trả được 7.000.000đồng là không đúng vì kể từ khi vay ngày 18/3/2014 đến nay, chị đã trả lãi đầy đủ hàng tháng cho đến hết tháng 3/2015, mỗi tháng trả 9.000.000đ cho chị L. Tổng số tiền lãi chị đã trả cho chị L là 12 tháng x 9.000.000đồng = 108.000.000đồng. Khi trả tiền lãi thì do tin tưởng là chỗ bạn bè đã lâu nên chị cũng không viết giấy biên nhận tiền và cũng không có ai chứng kiến việc chị trả tiền lãi cho chị L nên chị không thể cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Chị L có gọi điện và đến nhà chị yêu cầu chị phải trả tiền gốc và lãi nhiều lần nhưng chị không có khả năng trả. Đến nay chị vẫn luôn có ý thức trách nhiệm phải trả tiền cho chị L nhưng do gia đình quá khó khăn nên chị chưa thu xếp được.

Do chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì về việc trả gốc 2.000.000đồng và lãi 108.000.000đ và chị L cũng không yêu cầu đòi lãi nên chị cũng không đề nghị xem xét số tiền gốc và lãi đã trả, không có ý kiến gì và không đề nghị gì. Chị nhất trí trả cho chị L số tiền 200.000.000đồng tiền gốc và lãi chị đề nghị chị L cho chị xin từ tháng 3/2015 đến nay. Vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn chị đề nghị chị L tạo điều

kiện về thời gian cho chị được trả dần số tiền nợ gốc, mỗi tháng 1.000.000đồng đến khi hết khoản nợ vay.

+ Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, của nguyên đơn, bị đơn, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; 227; khoản 3 điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 163; 169; 197; 256; 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Hải L buộc chị Dương Thị P phải trả cho chị L số tiền gốc 200.000.000 đồng. Về án phí, chị P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Không ai cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa chị L và chị P là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo như tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị P thỏa thuận vay tiền của chị L với số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc, chị L đòi nhiều lần nhưng chị P không trả. Chị L khởi kiện ra Tòa án, xác định quan hệ pháp luật

tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đối với yêu cầu của chị L yêu cầu chị P trả số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 18/3/2014 thì thấy: Chị P xác định có vay của chị L số tiền trên nhưng chị P có trình bày đã trả cho chị L được 2 triệu đồng tiền gốc nhưng chị L không thừa nhận việc này và chị P cũng không có tài liệu gì chứng minh việc chị P đã trả số tiền trên cho chị L, Do vậy không có căn cứ xác định chị L đã trả số tiền gốc trên cho chị L.

Đối với số tiền lãi, chị L xác định chị P đã trả cho chị số tiền là 7.000.000 đồng nhưng chị P cho rằng chị đã trả cho chị L số tiền lãi là 108.000.000 đồng, nhưng các lần trả do tin tưởng chị L nên các chị không ghi chép và việc trả không có người làm chứng, Tòa án có yêu cầu chị cung cấp về việc trả lãi của chị P nhưng chị P không cung cấp được, Quá trình làm việc tại Tòa án chị L rút yêu cầu đòi lãi với chị P và chị P cũng không đề nghị xem xét gì về số tiền 108.000.000 đồng tiền lãi và 2.000.000 đồng tiền gốc chị cho rằng đã trả cho chị P do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị P cũng đồng ý đối với yêu cầu của chị L đòi số tiền gốc 200.000.000 đồng nhưng chị đề nghị cho chị P được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ trên nhưng chị L không đồng ý, Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Buộc chị P phải trả cho chị L một lần tiền gốc là 200.000.000 đồng

[5] Đối với anh Đỗ Quang T là chồng chị L xác định không liên quan gì đến khoản nợ giữa chị L với chị P, số tiền vay là của cá nhân chị L không liên quan gì đến anh T và đề nghị không triệu tập tham gia tố tụng, Do vậy, Tòa án không đưa anh T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

[6]. Về án phí: Yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Hoàn trả chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; 227; khoản 3 điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 163; 169; 197; 256; 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357 Bộ luật dân sự năm

2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Hải L.

2. Buộc chị Dương Thị P phải trả cho chị Đỗ Hải L số tiền 200.000.000 đồng

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà nán có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

Về án phí: chị Dương Thị P phải chịu 10.000.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả chị Đỗ Hải L số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/06446, ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Thị hải Hường